

Bản án số: 58/2024/HS-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Đào, ông Cầm Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 1 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐ-TA ngày 12/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/QĐ-TA ngày 10/01/2024, đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 8 năm 1977 tại huyện T, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHT: Bản Thẳm, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam - đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 93-QĐ/UBKTHU ngày 24/7/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy T5, tỉnh Sơn La; con ông Quàng Văn X, sinh năm 1948 và con bà Lò Thị L (đã chết); vợ là Lò Thị L1, sinh năm 1980 và có 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2023 đến ngày 08/9/2023, hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 12 năm 2003 tại huyện T, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHTT: Bản Thẳm, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn T, sinh năm 1979 và con bà Lò Thị N, sinh năm: 1981; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự:

Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2023 đến ngày 08/9/2023, hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Bùi Ngọc Đ, sinh năm: 1992; Nơi thường trú: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt;

+ Ông Tòng Văn P, sinh năm: 1969; địa chỉ: Bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; vắng mặt;

+ Anh Tòng Văn H1, sinh năm: 1997; địa chỉ: Bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; vắng mặt;

+ Chị Cẩm Thị T1, sinh năm: 1990; địa chỉ: Bản H, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; vắng mặt;

+ Ông Phạm Đức N1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 17/7/2023, Tổ công tác Phòng C - Công an tỉnh S làm nhiệm vụ tại Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La đã phát hiện tại Nhà nghỉ K1 có hai đôi nam nữ gồm Tòng Văn H1 và Cẩm Thị T1 (phòng 204); Tòng Văn P và Bùi Ngọc Đ (phòng B) đang quan hệ tình dục. H1, P khai nhận P đã nhờ Lò Văn K là nhân viên quản lý của Q hát Karaoke Sao Phương N2 môi giới cho hai nhân viên nữ của quán hát (do K quản lý) là Đ và T1 để H1 và P mua dâm. K đồng ý là 200.000đ/người/lượt, P thanh toán 400.000đ. Sau đó, H1, P cùng Đ, T1 đi xe taxi đến Nhà nghỉ K1 để mua bán dâm thì bị Tổ công tác Phòng C - Công an tỉnh S bắt quả tang, thu giữ 04 bao cao su tại hai phòng 204 và 206 Nhà nghỉ K1; 09 bao cao su tại quán K2; 01 điện thoại di động Realme màu xanh đã qua sử dụng và số tiền 500.000 đồng của Bùi Ngọc Đ; 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus màu xám và 400.000 đồng của Lò Văn K; 400.000 đồng của Quảng Văn H và 200.000 đồng của Cẩm Thị T1.

Cùng ngày 17/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh S đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn K về hành vi “Môi giới mại dâm”. Căn cứ lời khai nhận của Lò Văn K ngày 18/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh S thi hành lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Quảng Văn H về hành vi “Môi giới mại dâm”.

Quá trình điều tra các bị cáo Quảng Văn H, Lò Văn K khai nhận:

Năm 2018, Quảng Văn H mở quán K2 tại bản Thẳm, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La để kinh doanh dịch vụ Karaoke. Đến năm 2022, H thuê Lò Văn K (là người cùng bản) làm nhân viên phục vụ và thay Hình quản lý quán Karaoke khi H có

việc đi vắng. Gia đình nhà H có thuê 13 nhân viên nữ dọn dẹp quán hàng may vá áo cóm T2 và phục vụ bấm bài hát, rót bia cho khách. Hinh có thỏa thuận và chi trả tiền lương cho nhân viên từ 5.000.000 đồng/tháng/nhân viên đến 7.000.000 đồng/tháng/nhân viên nuôi ăn ở tại gia đình, nếu nhân viên nữ nào đi ra ngoài, thì phải được sự đồng ý của H hoặc K và phải trả là 200.000 đồng chi phí ăn ở.

Khoảng 13 giờ ngày 17/7/2023, Tòng Văn H1 và Tòng Văn P đến hát tại quán K2, sau đó H1, P gặp và đặt vấn đề với K cho nhân viên nữ của quán đi bán dâm, mỗi người đưa cho K số tiền 200.000 đồng. K đi gọi hai nhân viên của quán là T3 (Đ) và T1 hỏi “Có đi chơi cùng khách không?” Tiết, Đ đồng ý. Sau đó P và H1 thuê taxi chở Đ và T1 đến Nhà nghỉ K1 tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La thuê phòng, khi đến nơi một mình P vào quầy lễ tân gặp Phạm Đức N1 thuê hai phòng để P và H1 nghỉ theo giờ. Do không biết P và H1 đưa gái bán dâm đến phòng nghỉ mua dâm nên N1 đồng ý bố trí hai phòng và thu tiền phòng nghỉ mỗi phòng 100.000 đồng; H1 đưa T1 vào phòng 204 và trả cho T1 số tiền 200.000 đồng để mua dâm; còn P đưa Đ vào phòng 206 và trả số tiền 500.000 đồng để mua dâm. Khi đang quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác Phòng C - Công an tỉnh S phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra Quàng Văn H và Lò Văn K còn khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 14/7/2023, sau khi hát karaoke tại quán K2, H1 và P đã gặp K hỏi mua dâm với nhân viên nữ của quán, K đã đồng ý cho Đ và T1 đi. Tòng Văn P đã thanh toán số tiền hát là 1.100.000 đồng, tiền môi giới mại dâm là 400.000 đồng cho và K đã giao lại số tiền 1.500.000 đồng cho H.

Tại Cáo trạng số 157/Ctr-VKS-P2 ngày 06/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Quàng Văn H và Lò Văn K về tội “*Môi giới mại dâm*” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Các bị cáo Quàng Văn H, Lò Văn K khai nhận toàn hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến với Cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không khai báo gì thêm; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo để trở với gia đình và xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên Quyết định truy tố và luận tội đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn H; Lò Văn K phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328, Điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử Phạt bị cáo Quàng Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn K từ 26 (hai mươi sáu) tháng tù đến 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su và vỏ bao cao su đã sử dụng; 09 bao cao su;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 200.000 đồng (Cầm Thị T1 giao nộp) + 500.000 đồng (Bùi Ngọc Đ giao nộp) + 400.000 đồng (Quàng Văn H giao nộp) + 400.000 đồng (Lò Văn K giao nộp)

Trả lại cho bị cáo Lò Văn K: 01 điện thoại di động IPHONE 6S Plus màu xám.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Quàng Văn H và Lò Văn K tại phiên tòa, phù hợp với hành vi phạm tội thể hiện tại Biên bản vi phạm hành chính do Tổ công tác Phòng C - Công an tỉnh S lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 17/7/2023 tại Nhà nghỉ K1 và lời khai của anh Tòng Văn H1, chị Bùi Ngọc Đ, ông Tòng Văn P và chị Cầm Thị T1, cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Quàng Văn H là chủ quán K2 tại bản T, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La có thuê Lò Văn K làm nhân viên quản lý quán cùng hai nhân viên nữ là Cầm Thị T1 và Bùi Ngọc Đ để phục vụ quán. Hình quản lý chung và giao cho K quản lý điều hành nhân viên phục vụ trong quán, nếu nhân viên nữ của quán ra ngoài đi khách thì thu số tiền 200.000đ/nhân viên/lượt. Ngày 17/7/2023 K đã có hành vi làm trung gian nhận số tiền 400.000VNĐ của P để cho T1, Đ bán dâm với P và H1. Ngoài ra H, K còn khai nhận ngày 14/7/2023, P là người giao dịch đưa 400.000VNĐ cho K để mua dâm với Đ và T1, khi giao dịch H không biết. Sau đó K có báo lại doanh thu trong ngày của quán và nộp số tiền đã thu cho H.

Từ những căn cứ chứng minh nêu trên, đủ cơ sở kết luận, hành vi của các bị

cáo Quàng Văn H, Lò Văn K đã phạm vào tội Môi giới mại dâm, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 328 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, về hành vi môi giới để H1 và P mua bán dâm với T4, Đ hai lần đối với hai người đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ 03 năm đến 07 năm.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục, làm ảnh hưởng xấu đến việc xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, trật tự trị an xã hội; là một trong những nguyên nhân phá vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình, làm phát sinh các tội phạm, tệ nạn xã hội khác nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện.

Trong vụ án này Quàng Văn H là chủ quán điều hành chung đã đồng ý cho K cho nhân viên phục vụ quán đi bán dâm, nên phải chịu trách nhiệm, còn Lò Văn K là nhân viên quản lý được H giao nhiệm vụ điều hành mọi việc trong quán, là người trực tiếp nhận tiền từ người mua dâm sau đó môi giới cho khách nên K có vai trò đồng phạm giản đơn.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Quàng Văn H có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (điểm s là Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; điểm v là người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất chiến đấu và học tập) bị cáo có giấy khen của Chủ tịch Hội nông dân là nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; gia đình bị cáo có giấy khen của Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị D về Tấm gương tiêu biểu trong xã hội nhiều năm nuôi và cưu mang trẻ mồ côi và các em có hoàn cảnh gia đình khó khăn và khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự: Người phạm tội đầu thú; bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 2.

Bị cáo Lò Văn K có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS: “điểm s người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và người phạm tội đầu thú. Bị cáo có đủ kiểm quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 “Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng”.

Xét nhân thân các bị cáo ngoài lần phạm tội này, người phạm tội chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có bảo lãnh của chính quyền địa phương nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mở lượng khoan hồng, cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng bảo đảm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về các vấn đề liên quan đến vụ án:

7.1. Quá trình điều tra xác định Quàng Văn H kinh doanh dịch vụ Karaoke tại quán K2 chưa đủ điều kiện kinh doanh.

Ngày 14/9/2023, Chủ tịch UBND tỉnh S ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 1787/QĐ trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy đối với Quàng Văn H với số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 20/9/2023, Công an tỉnh S đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1777/QĐ trong lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội, văn hóa, quảng cáo đối với Quàng Văn H với số tiền 15.000.000 đồng và phạt hành chính về Kinh doanh dịch vụ Karaoke không có giấy phép theo quy định đối với Quàng Văn H với số tiền 22.500.000 đồng là đảm bảo căn cứ, đúng quy định của pháp luật; bị cáo chấp hành toàn bộ các Quyết định xử phạt hành chính trên.

7.2. Đối với Phạm Đức N1, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La là chủ quản lý Nhà nghỉ K1 không biết việc H1 và T1, P và Đ đến nhà nghỉ để mua bán dâm. Tuy nhiên, do N1 không tuân thủ các quy định quản lý hành chính trong lĩnh vực kinh doanh nhà nghỉ nên ngày 14/9/2023 Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 1788/QĐ xử phạt hành chính trong lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội đối với Phạm Đức N1 số tiền 35.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự trong thời hạn 06 tháng.

[8] Về vật chứng vụ án và tài sản liên quan:

8.1. Đối với 01 chiếc phong bì nguyên niêm phong, bên trong chứa 01 bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su ; 01 chiếc phong bì nguyên niêm phong, bên trong chứa 01 bao cao su đã qua sử dụng + 01 vỏ bao cao su hiệu Sato đã bị xé rách; 09 chiếc bao cao su nhãn hiệu Sato chưa qua sử dụng, thu giữ tại quán K2. Xét thấy các vật chứng thu giữ nêu trên không còn giá trị sử dụng, nên cần

tịch thu tiêu hủy.

8.2. Đối với số tiền 200.000 đồng (Cầm Thị T1 giao nộp) + 500.000 đồng (Bùi Ngọc Đ giao nộp) + 400.000 đồng (Quàng Văn H giao nộp) + 400.000 đồng (Lò Văn K giao nộp). Xét thấy đây là các khoản tiền hưởng lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội, nên cầm tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

8.3. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus vỏ màu xám; kèm 01 sim điện thoại (thuê bao số 0373.295.952) thu giữ của bị cáo Lò Văn K, xét thấy bị cáo không dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí hình sự: Các bị cáo Quàng Văn H, Lò Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn H, Lò Văn K phạm tội *“Môi giới mại dâm”*.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quàng Văn H 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23 tháng 01 năm 2024).

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn K 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 (năm) năm. Thời hạn tính từ tuyên án sơ thẩm (ngày 23 tháng 01 năm 2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Giao bị cáo Quàng Văn H, Lò Văn K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản

án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự”.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* *Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:* 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) do Cầm Thị T1 giao nộp; 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) do Bùi Ngọc Đ giao nộp; 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) do Quàng Văn H giao nộp; 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) do Lò Văn K giao nộp, tất cả đều là tiền N3.

* *Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 bao cao su + 01 vỏ bao cao su được đựng trong một chiếc phong bì còn nguyên niêm phong mặt trước ghi thu giữ tại phòng nghỉ 204.

- 01 bao cao su + 01 vỏ bao cao su được đựng trong một chiếc phong bì còn nguyên niêm phong mặt trước ghi thu giữ tại phòng nghỉ 206.

- 09 (chín) chiếc bao cao su nhãn hiệu Sato chưa qua sử dụng.

**Trả lại cho bị cáo Lò Văn K:* 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus vỏ màu xám, loại cảm ứng; kèm 01 sim điện thoại thuê bao số 0373.295.953; có số seri FCCQVALIYRWV.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh S và Cục Thi hành án dân sự tỉnh)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Quàng Văn H, Lò Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Quàng Văn H, Lò Văn K trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; người có QLVLQ;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan